TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUYÊN MỘC** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 09-3-2018
Về việc ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYÊN MỘC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Duy.

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trịnh Thị Mai Hương.
2. Bà Nguyễn Thị Hằng Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Đình Luyến - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 497/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2017, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2018/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ngô Thị Thu Th, sinh năm: 1971.

Địa chỉ: Tổ A, Ấp B, xã C, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. "Có mặt"

Bị đơn: Ông Phan B, sinh năm: 1978.

Địa chỉ: Tổ A, Ấp B, xã C, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. "Vắng mặt"

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/11/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Ngô Thị Thu Th trình bày:

Về hôn nhân: Bà Ngô Thị Thu Th và ông Phan B kết hôn năm 1993, hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, không bị ai ép buộc, được hai bên gia đình đồng ý, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Xuyên Mộc ngày 14/12/1993. Sau khi kết hôn vợ chồng

sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nhưng đỉnh điểm mâu thuẫn vợ chồng là từ đầu năm 2015, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, ông B tính toán chi ly trong việc chi tiêu hàng ngày và thường xuyên nhậu nhẹt về nhà chửi bới, thậm chí đánh đập bà Th. Hiện nay bà Th và ông B vẫn sống chung một nhà, nhưng đã ly thân nhiều năm nay, không còn tình cảm vợ chồng và không quan tâm tới nhau nữa. Nay bà Th xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể sống chung với ông B nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn ông B.

Về con chung: Bà Ngô Thị Thu Th và ông Phan B có hai người con chung tên là Phan Thị Thủy Ch, sinh năm 1994 và Phan Văn H, sinh năm 1996. Hiện nay các con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại bản khai và biên bản lấy lời khai ngày 20/11/2017 và trong quá trình xét xử, bị đơn ông Phan B trình bày:

Về hôn nhân: Ông Phan B và bà Ngô Thị Thu Th kết hôn năm 1993, hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, không bị ai ép buộc, được hai bên gia đình đồng ý, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Xuyên Mộc ngày 14/12/1993. Ông B thừa nhận, trong cuộc sống vợ chồng cũng có xảy ra cãi nhau, nhưng ông B cho rằng chưa đến mức trầm trọng phải ly hôn. Khoảng đầu tháng 11/2017, trong lúc nổi giận ông B đã đập đồ đạc trong nhà nên bà Th đã nộp đơn ly hôn ông. Hiện nay vợ chồng vẫn sống chung một nhà, nhưng từ khi bà Th nộp đơn ly hôn tại Tòa án thì vợ chồng đã sống ly thân. Nay bà Th yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn ông thì ông không đồng ý, ông muốn vợ chồng hàn gắn tình cảm và tiếp tục chung sống.

Về con chung: Ông Phan B và bà Ngô Thị Thu Th có hai người con chung tên là Phan Thị Thủy Ch, sinh năm 1994 và Phan Văn H, sinh năm 1996. Hiện nay các con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định pháp luật. Đối với các đương sự, nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Ngô Thị Thu Th được ly hôn ông Phan B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc nhận định:

[1]. *Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp:* Bà Ngô Thị Thu Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn ông Phan B, sinh năm 1971, cư trú tại Ấp B, xã C, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là "Ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về hôn nhân:* Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 22, quyển số 01, ngày 14/12/1993 của Ủy ban nhân dân xã C, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, xác định hôn nhân của bà Ngô Thị Thu Th và ông Phan B là hợp pháp. Sau một thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra xung đột lẫn nhau trong cuộc sống. Mặc dù vẫn sống chung một nhà, nhưng hai bên đã sống ly thân từ đầu năm 2017 đến nay. Xét thấy hôn nhân của bà Ngô Thị Thu Th và ông Phan B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận cho bà Ngô Thị Thu Th ly hôn ông Phan B theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[4]. *Về con chung:* Trong thời kỳ hôn nhân, bà Ngô Thị Thu Th và ông Phan B có hai người con chung tên là Phan Thị Thủy C, sinh năm 1994 và Phan Văn H, sinh năm 1996. Hiện nay các con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. *Về tài sản và nợ chung:* Bà Ngô Thị Thu Th và ông Phan B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội thì bà Ngô Thị Thu Th phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 và khoản 1 Điều 57 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Ngô Thị Thu Th được ly hôn ông Phan B.

2. Về con chung: Đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Ngô Thị Thu Th phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007032

ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà Ngô Thị Thu Th đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Xuyên Mộc;
- Chi cục THADS huyện Xuyên Mộc;
- UBND xã C, huyện Xuyên Mộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Văn Duy